

Số: /KH-BCĐ

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 12/KH-BCĐ ngày 24/01/2022 của Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh về việc triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2022; Công văn số 1886/ATTP-NĐTT ngày 09/8/2022 của Cục An toàn thực phẩm về việc tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Trung thu năm 2022; Công văn số 941/UBND-KGVX ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về tổ chức Tết Trung thu năm 2022.

Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) tỉnh Lạng Sơn xây dựng kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tăng cường kiểm tra, đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, tập trung ưu tiên các cơ sở sản xuất, kinh doanh bánh kẹo, nước giải khát, trái cây.

- Thông qua hoạt động kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP, hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP; cũng như các kiến thức trong lựa chọn, chế biến, bảo quản, sử dụng thực phẩm an toàn.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện theo đúng quy định, trình tự, tránh chồng chéo. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm về ATTP và thông tin, cảnh báo đến người tiêu dùng về các cơ sở thực phẩm, sản phẩm thực phẩm không bảo đảm ATTP.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm. Xử lý kịp thời khi có sự cố an toàn thực phẩm hoặc ngộ độc thực phẩm xảy ra.

II. NỘI DUNG

1. Công tác tuyên truyền

1.1. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về ATTP như điều kiện cơ sở, trang thiết bị dụng cụ; yêu cầu về kiến thức, thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm; quy định về nguồn gốc nguyên liệu, thực phẩm; quy định về đăng ký bản công bố sản phẩm, tự công bố sản phẩm; sử dụng phẩm màu, hương liệu, phụ gia; bao bì chứa đựng thực phẩm và ghi nhãn sản phẩm.

1.2. Đối với người tiêu dùng

Hướng dẫn việc lựa chọn, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm an toàn; chỉ mua sử dụng thực phẩm, phụ gia thực phẩm có nhãn mác đầy đủ, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, không sử dụng phụ gia thực phẩm ngoài danh mục hoặc không đúng đối tượng, liều lượng theo quy định. Lưu ý kiểm tra nguồn gốc xuất xứ và hạn sử dụng khi mua sản phẩm thực phẩm qua hình thức trực tuyến.

2. Công tác kiểm tra

2.1. Đối tượng kiểm tra

Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, tập trung ưu tiên những cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu như: bánh, mứt, kẹo, bia, rượu, nước giải khát, thịt, sản phẩm từ thịt, trái cây; Các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố....

2.2. Nội dung kiểm tra

2.2.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, tập trung kiểm tra các nội dung:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy); đăng ký bản công bố sản phẩm/tự công bố sản phẩm;
- Ghi nhãn sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; Quảng cáo sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm;
- Điều kiện bảo đảm ATTP trong sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển thực phẩm, phụ gia thực phẩm;
- Chất lượng sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm; nguồn gốc xuất xứ, hạn sử dụng; lưu mẫu.
- Việc thực hiện các quy định về bảo đảm ATTP đối với các sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm nhập khẩu.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm để đánh giá chất lượng sản phẩm khi cần thiết.

2.2.2. Đối với cơ sở dịch vụ ăn uống, tập trung kiểm tra các nội dung:

- Điều kiện bảo đảm ATTP (cơ sở, trang thiết bị dụng cụ, con người);
- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;

- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;
- Việc lưu mẫu thức ăn;
- Việc bảo đảm nước sạch dùng cho chế biến thực phẩm;
- Các nội dung khác có liên quan;
- Lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết.

2.2.3 Phương pháp kiểm tra

Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP các cấp căn cứ tình hình thực tế tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn và theo phân cấp quản lý.

2.2.4 Xử lý vi phạm

Các đoàn kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải thực hiện xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không để các sản phẩm không bảo đảm ATTP, không rõ nguồn gốc, không nhãn mác hoặc có các vi phạm khác lưu thông trên thị trường; thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về ATTP theo quy định của pháp luật.

III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tuyển tỉnh

Thành lập 01 Đoàn kiểm tra liên ngành tuyển tỉnh, cụ thể:

- Thành phần Đoàn: Giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (Sở Y tế) chủ trì; các đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Cục Quản lý thị trường tỉnh; Phòng Cảnh sát môi trường (Công an tỉnh Lạng Sơn), Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh.

- Tiến hành kiểm tra trên địa bàn các huyện: Chi Lăng, Hữu Lũng và thành phố Lạng Sơn.

- Các đơn vị phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra liên ngành. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương ngoài việc cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra liên ngành, có trách nhiệm cung cấp danh sách cơ sở thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý để đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành.

2. Tuyển huyện

Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP tuyển huyện căn cứ tình hình thực tế của địa phương chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, trong đó tập trung, ưu tiên các cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm được tiêu thụ nhiều trong dịp Tết Trung thu.

3. Thời gian thực hiện

3.1. Xây dựng kế hoạch

- Tuyển tỉnh: trước ngày 16/8/2022.
- Tuyển huyện: trước ngày 23/8/2022.

3.2. Triển khai công tác truyền thông: Từ ngày 23/8/2022 đến ngày 12/9/2022.

4. Triển khai kiểm tra: Từ ngày 23/8/2022 đến ngày 12/9/2022.

5. Báo cáo kết quả

Báo cáo kết quả công tác bảo đảm ATTP trong dịp Tết Trung thu của địa phương (*theo Phụ lục kèm theo*) gửi về Sở Y tế - cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm - số 13, đường Hoàng Văn Thụ, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, điện thoại: 0205.6256.312, email: cctpls@gmail.com) **trước ngày 19/9/2022.**

IV. BẢO ĐẢM KINH PHÍ

1. Kinh phí và phương tiện đi lại bảo đảm cho công tác kiểm tra, tuyên truyền thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Các huyện/thành phố hỗ trợ kinh phí hoạt động an toàn thực phẩm trên địa bàn do mình quản lý.

3. Các nguồn kinh phí hỗ trợ khác (nếu có).

4. Việc sử dụng kinh phí: Thực hiện theo quy định hiện hành.

Trên đây là kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu năm 2022 của Ban Chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh Lạng Sơn./.

Nơi nhận:

- BCĐLNTW về ATTP - Bộ Y tế (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các TV BCĐ tỉnh theo QĐ 764 và 799/QĐ-UBND;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Thường trực BCĐ (Chi cục ATVSTP);
- Lưu: VT, NVYD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Thế Toàn**

Phụ lục :

(Kèm theo kế hoạch số: /KH-BCĐ ngày /8/2022 của
BCĐ LN về VSATTP tỉnh Lạng Sơn)

BÁO CÁO

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trong dịp Tết Trung thu
do BCĐ liên ngành về VSATTP các huyện/thành phố thực hiện**

I. Công tác chỉ đạo:

(nêu cụ thể)

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm (không bao gồm các cơ sở
do đoàn liên ngành tỉnh thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:

Trong đó:

1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:

1.2 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt		Số cơ sở vi phạm		Số tiền phạt (đồng)	Xử phạt bổ sung	Khắc phục hậu quả
				n	%	n	%			
1	Sản xuất thực phẩm									
2	Kinh doanh thực phẩm									
3	KD dịch vụ ăn uống									
4	KD thức ăn đường phố									
	Tổng số (1 + 2 + 3 + 4)									

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		

	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở			
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
3	Điều kiện về con người			
4	Công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố hợp quy/phù hợp quy định an toàn thực phẩm/ Bản tự công bố sản phẩm/ đăng ký Bản công bố sản phẩm			
5	Ghi nhãn thực phẩm			
6	Quảng cáo thực phẩm			
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
8	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số XN tại labo			
2	XN nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể dựa trên số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)